

VĨ MÔ & CHIẾN LƯỢC

Chiến lược tuần: Kiểm định lực cầu ở vùng 1700 điểm

Xác suất Fed tăng lãi suất ở kỳ họp tháng 10 giảm mạnh



Chính sách thúc đẩy kinh tế



Triển vọng thị trường



Lê Hoàng Phương Nam

nam.lhp@miraeasset.com.vn

Thế giới

- **Kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 10 giảm mạnh;** tuy nhiên, đa số thành viên FOMC vẫn dự báo ít nhất một lần tăng nữa trong năm.
- Lạm phát PCE của Mỹ chưa cho tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng, trong khi tăng trưởng GDP nửa đầu năm vượt xa kỳ vọng.
- Số liệu việc làm phi nông nghiệp (NFP) của Mỹ tháng 9 thấp hơn dự báo.
- Sự kiện quan trọng sắp tới của Mỹ: 1) Chỉ số PMI dịch vụ ISM; 2) Biên bản cuộc họp FOMC; 3) Chỉ số tín dụng tiêu dùng

Việt Nam

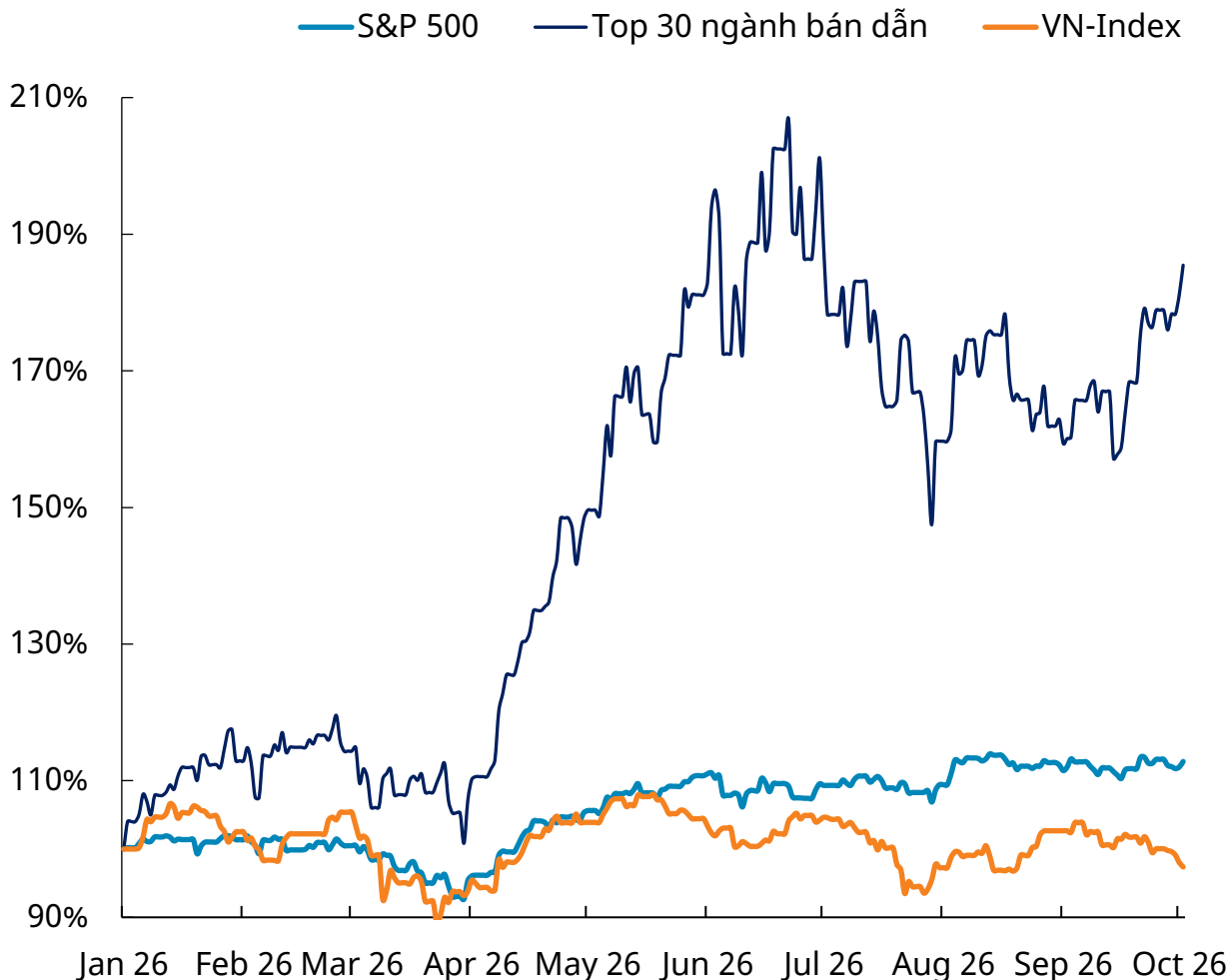
- **Áp lực tỷ giá có thể gia tăng trong bối cảnh USD mạnh trở lại:** Chỉ số DXY tăng 0,9% WoW lên mức 101.92. Tỷ giá USD/VND giữ nguyên, tỷ giá bán VCB ngày 3/10 là 26.170. NHNN bơm 25,1 nghìn tỷ đồng qua OMO tuần trước, lãi suất giữ nguyên 4,5%. Lãi suất qua đêm biến động mạnh, tăng cao lên 6,95% ngày 30/9 rồi hạ về mức 3% ngày 2/10 (+300bps WoW).
- **Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế, xử lý các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực tăng trưởng.** Trong bối cảnh tăng trưởng GDP quý III đạt 9,95%, 9 tháng đạt 9,01%, để đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số trong cả năm thì tăng trưởng GDP quý IV phải ở mức trên 12,5%.
- **Gỡ rào cản thể chế cho NĐT nước ngoài:** Bộ Tài chính trình UBNDTVQH (30/9) dự thảo sửa đổi Luật Đầu tư, nới lỏng điều kiện đầu tư cho NĐT nước ngoài theo lộ trình, gắn ưu đãi với cam kết thực hiện (giải ngân, chuyển giao công nghệ, nội địa hóa).
- **VN-Index: 1737,71 điểm (-2,6% WoW) – Áp lực bán ròng từ khối ngoại.** Thanh khoản cũng lụi về dưới 12 nghìn tỷ đồng/ngày (-3% WoW), mức thấp nhất trong nhiều tuần, phản ánh tâm lý thị trường còn thận trọng trong bối cảnh Fed duy trì lập trường thận trọng và đồng USD mạnh lên khiến khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh dù thị trường vừa chính thức được nâng hạng.
- **VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp - dưới ngưỡng trung bình dài hạn 26%.** Thị trường có thể kiểm định lực cầu tại vùng hỗ trợ quanh 1,700 điểm, được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh quý 3 và kỳ vọng dòng vốn ngoại cải thiện nhờ nâng hạng FTSE.
- **Những yếu tố cần theo dõi:** 1) Rủi ro bên ngoài về địa chính trị, lạm phát cao và chính sách tiền tệ của các NHTU; 2) Hiệu quả của các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước; 3) Khả năng tiếp cận nguồn vốn ngoại trên thị trường chứng khoán.

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 10 giảm mạnh

- Chỉ số S&P 500 giảm nhẹ 0,27% WoW xuống 7722,72 điểm, trong khi chỉ số nhóm cổ phiếu ngành bán dẫn tăng 3,7% trong tuần trước. Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ tiếp tục lập đỉnh mới. Lợi suất kỳ hạn 10 năm tăng lên 5,3% - mức cao nhất kể từ 2007; kỳ hạn 30 năm vọt lên 5,63%. Đợt bán tháo trái phiếu kéo dài do giá dầu tăng vọt làm dấy lo ngại lạm phát, trong khi dữ liệu kinh tế Mỹ vẫn vững. Nỗ lực mua lại trái phiếu dài hạn của Bộ trưởng Tài chính Bessent chưa phát huy hiệu quả, phản ánh "phần bù kỳ hạn" tiếp tục nở rộng khi nhà đầu tư lo ngại tính bền vững tài khóa Mỹ. Mối lo này càng gia tăng khi nợ công nước này đã vượt 40 nghìn tỷ USD hồi giữa tháng 8, đúng thời điểm Bộ Tài chính công bố nhân đôi quy mô mua lại.
- Kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất tại cuộc họp tháng 10 giảm mạnh.** Theo CME FedWatch, xác suất tăng 25 điểm cơ bản tại cuộc họp tháng 10 giảm còn 22,1% (3/10) từ mức 64,2% (25/9) do dữ liệu PCE tháng 8 tăng 3,4% so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo 3,7%. Tuy nhiên, đa số thành viên FOMC vẫn dự báo ít nhất một lần tăng nữa trong năm, và giá dầu cao là yếu tố có thể ảnh hưởng đến kỳ vọng tăng lãi suất tháng 10 quay lại.
- Sự kiện quan trọng sắp tới của Mỹ:** 1) Chỉ số PMI dịch vụ ISM; 2) Biên bản cuộc họp FOMC; 3) Chỉ số tín dụng tiêu dùng.

Diễn biến chỉ số S&P 500, Top 30 ngành bán dẫn, và VN-Index

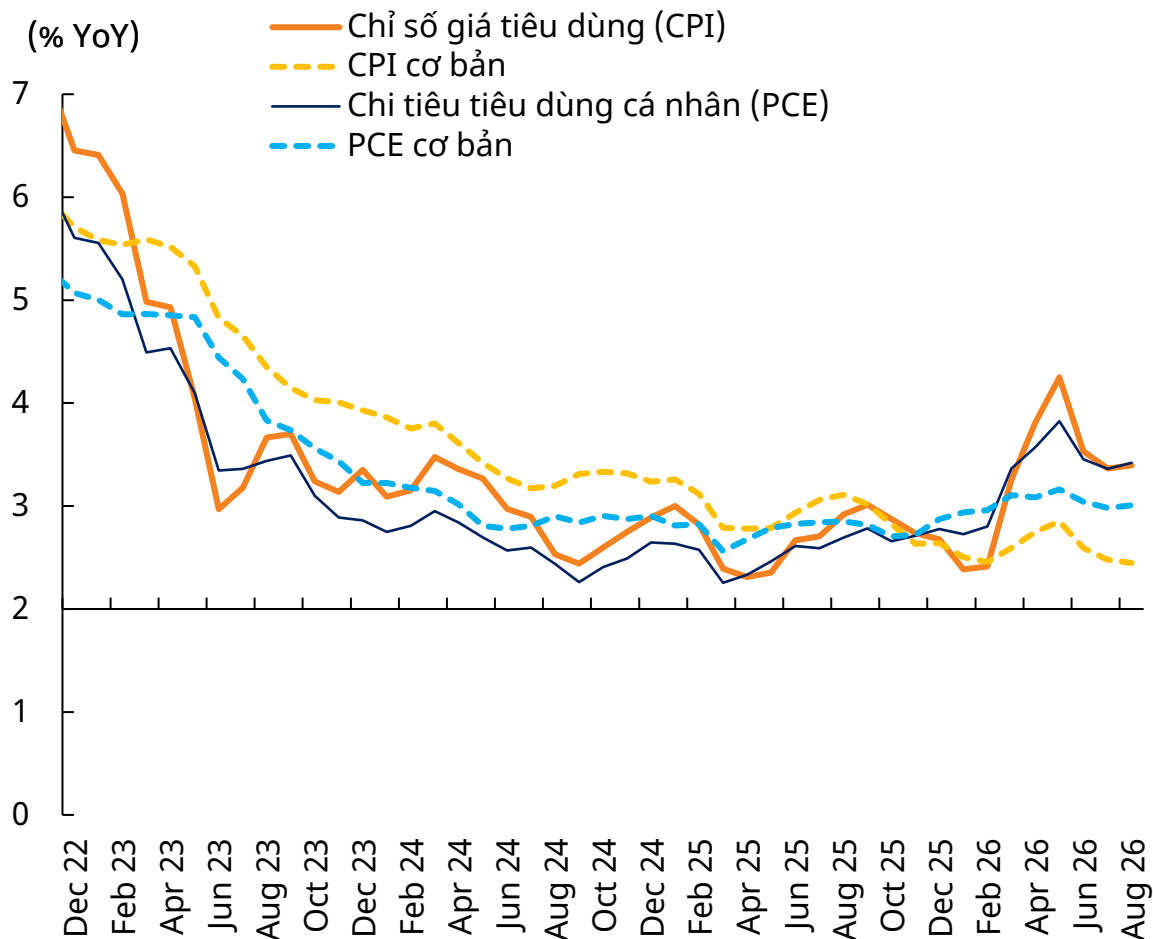


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg. cập nhật tới ngày 2/10/2026

Lạm phát PCE của Mỹ chưa cho tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng, trong khi tăng trưởng GDP vượt xa kỳ vọng

- **Dữ liệu lạm phát PCE của Mỹ chưa cho tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng:** PCE tháng 8 thấp hơn kỳ vọng thị trường chủ yếu do số liệu tháng 7 được điều chỉnh giảm trước đó, không phải do giá cả chậm lại. PCE lõi tháng 8 tăng 0,2% so với tháng trước, nhỉnh hơn mức 0,1% của tháng 7, cho thấy áp lực lạm phát chưa có dấu hiệu hạ nhiệt rõ ràng.
- **Tăng trưởng GDP vượt xa kỳ vọng:** Công bố ngày 30/9 đưa GDP quý 2 lên 2,2% QoQ, tăng từ mức 1,5% của ước tính lần 2 và vượt xa dự báo thị trường (chỉ 1,5%); đồng thời GDP quý 1 cũng được điều chỉnh tăng lên 2,5% từ 2,1% trước đó. **Đáng chú ý, nửa đầu 2026 tăng cao hơn cùng kỳ 2025, riêng Q1 tăng vượt trội hơn 2,4 điểm %**, cho thấy tăng trưởng quý 2 mạnh hơn so với số liệu sơ bộ.
- **Tiêu dùng được hỗ trợ bởi đầu tư AI và hoàn thuế:** Chi tiêu tiêu dùng, chiếm hơn hai phần ba nền kinh tế, phản ánh sức cầu nội địa vẫn vững. Động lực này giúp kinh tế Mỹ đứng vững trước rủi ro địa chính trị từ xung đột Iran, nhờ doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư AI và các khoản hoàn thuế hỗ trợ chi tiêu hộ gia đình.
- **Tăng trưởng vượt kỳ vọng nhưng lạm phát chưa cho tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng:** Sự kết hợp giữa GDP mạnh hơn dự báo và áp lực giá chưa hạ nhiệt có thể khiến Fed khó nới lỏng chính sách, trong khi khả năng tăng lãi suất thêm trong năm nay vẫn còn bỏ ngỏ.

Dữ liệu lạm phát PCE của Mỹ chưa cho tín hiệu hạ nhiệt rõ ràng

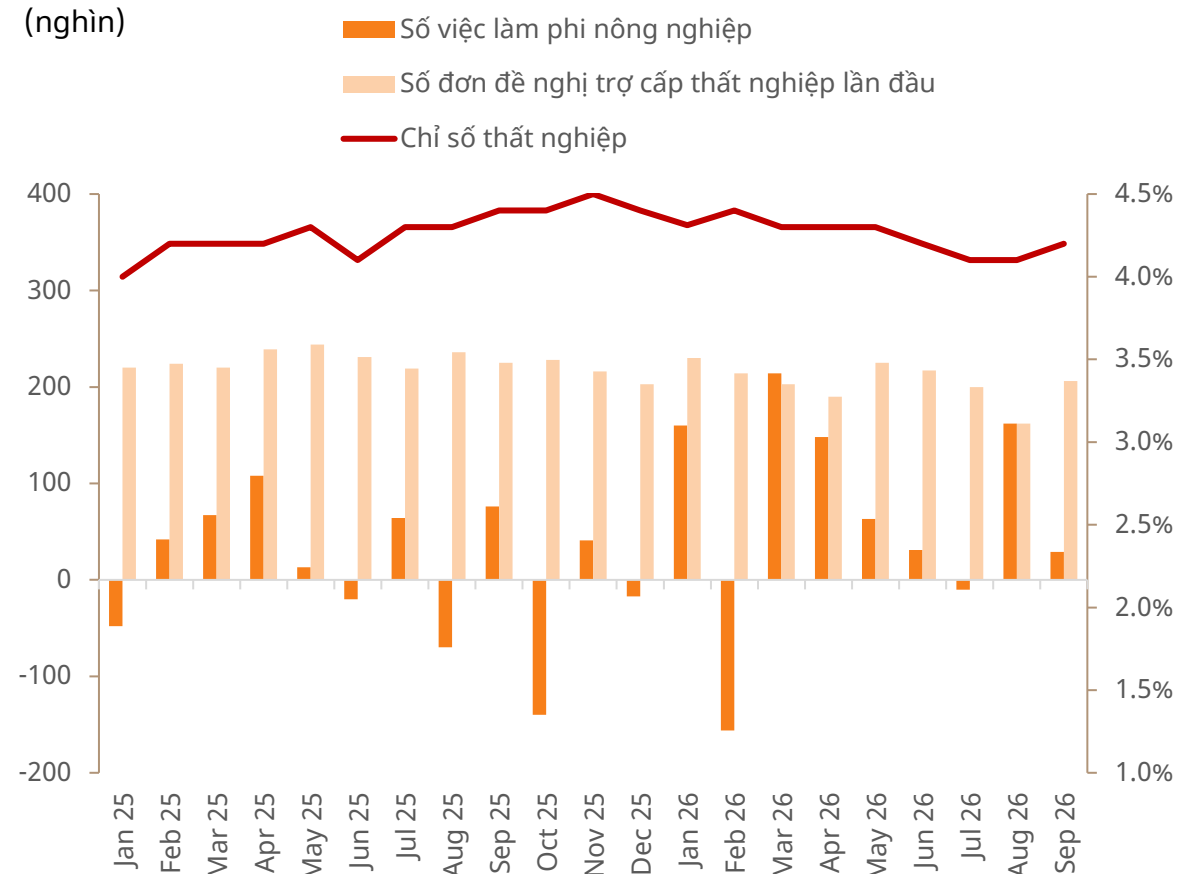


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg cập nhật tới ngày 1/10/2026.

Số liệu việc làm phi nông nghiệp (NFP) của Mỹ tháng 9 thấp hơn dự báo

- **Số việc làm phi nông nghiệp (NFP) của Mỹ tháng 9 chỉ tăng 29K, thấp hơn nhiều so với dự báo khoảng 84K** và mức trung bình 45K/tháng của 12 tháng trước. Số liệu tháng 8 bị điều chỉnh giảm từ 162K xuống 133K, tháng 7 từ 21K xuống -10K, tổng cộng giảm 60K. Sau điều chỉnh, mức tăng việc làm trung bình 3 tháng gần nhất chỉ khoảng 51K, trong khi việc làm ở hầu hết các ngành thay đổi ít trong tháng 9, cho thấy đà tạo việc làm của nền kinh tế đang chậm lại. Diễn biến này giúp Fed có thêm dư địa tạm dừng tăng lãi suất trong tháng 10 để theo dõi dữ liệu.
- **Tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ lên 4,2% chủ yếu do lực lượng lao động mở rộng.** Lực lượng lao động tăng 485K, trong khi số người thất nghiệp chỉ tăng 78K và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tăng 0,2 điểm % lên 61,8%. Diễn biến này cho thấy thị trường lao động chưa suy yếu rõ rệt, phù hợp với việc Fed tiếp tục ưu tiên kiểm soát lạm phát.
- **Động lực tăng trưởng việc làm đang dịch chuyển cơ cấu.** Y tế và giáo dục, vốn là đầu tàu tuyển dụng nhiều năm qua, có thể trở thành lực cản do áp lực ngân sách tại các bang, địa phương và học khu phải cắt giảm nhân sự; trong khi sản xuất và khai khoáng nổi lên là điểm sáng mới, được hỗ trợ bởi dòng vốn đầu tư vào quốc phòng và AI.

Dữ liệu việc làm Mỹ và chỉ số thất nghiệp

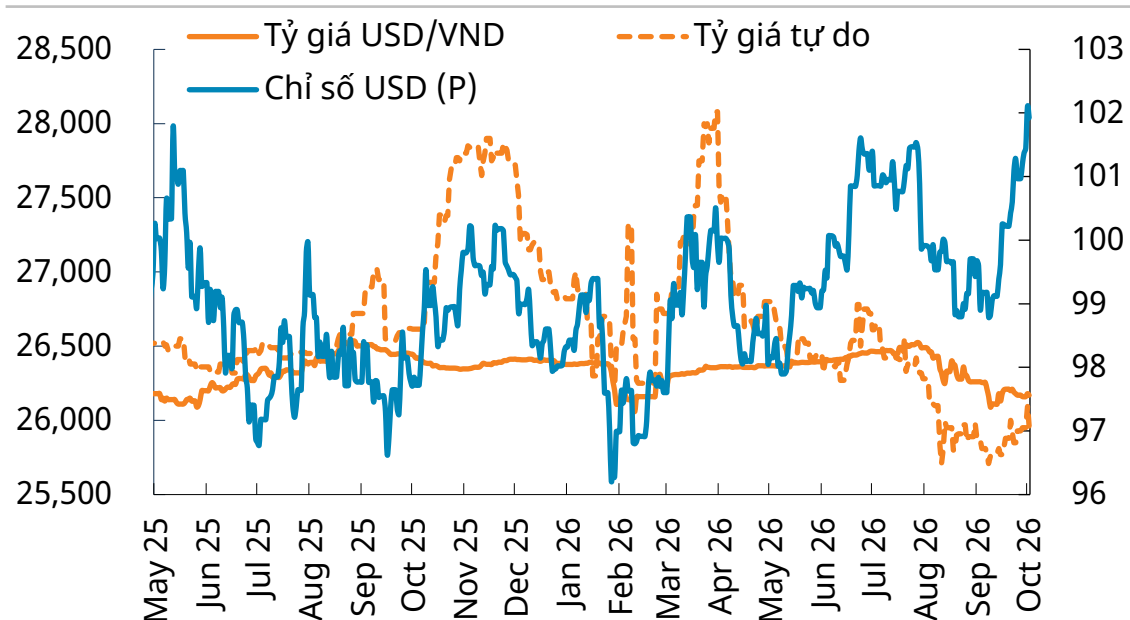


Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Trading Economics. cập nhật tới ngày **1/10/2026**

Áp lực tỷ giá có thể gia tăng trong bối cảnh USD mạnh trở lại

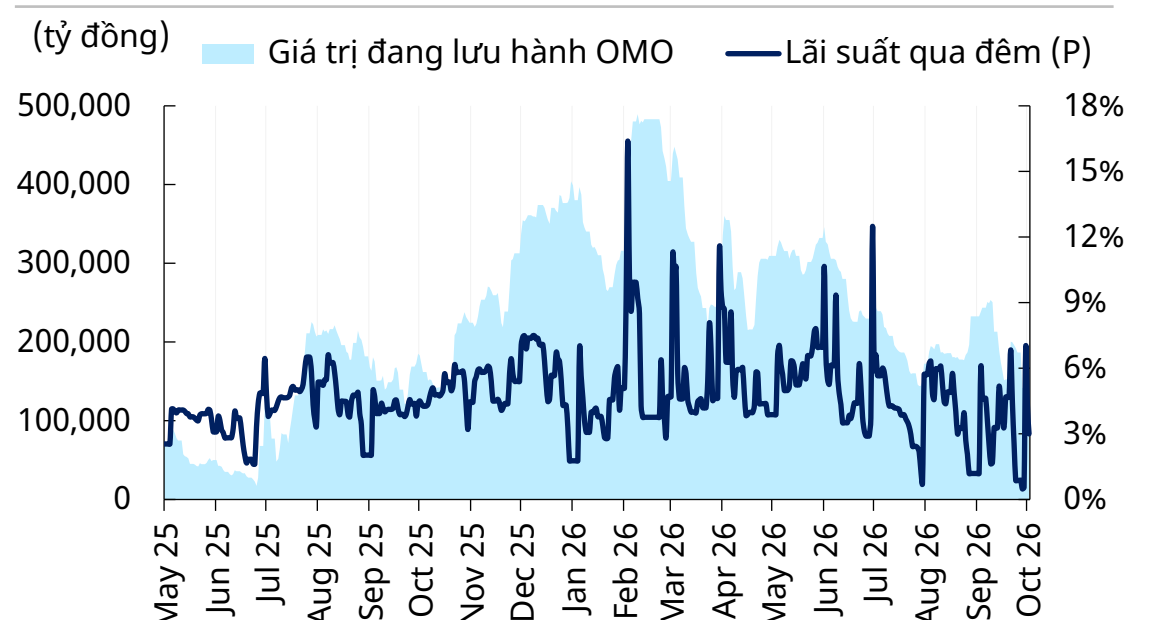
- **DXY tăng 0,9% WoW lên 101,92 ngày 2/10**, chủ yếu do đồng EUR (chiếm 57,6% rổ tiền tệ) điều chỉnh giảm, với EUR/USD xuống mức 1,13 - thấp nhất từ tháng 5/2025 do chịu sức ép từ lợi suất trái phiếu Mỹ ở mức cao, giá năng lượng tăng và lập trường thận trọng của ECB.
- **Tỷ giá USD/VND giữ nguyên**, với tỷ giá bán VCB ngày 3/10 là 26.170 (-0,8% YTD) và tỷ giá trên thị trường tự do là 25.960 (+0,12% WoW; -3,2% YTD).
- **Lãi suất qua đêm biến động mạnh**, tăng cao lên 6,95% ngày 30/9 rồi hạ về mức 3% ngày 2/10 (+300bps WoW). Tuần qua, NHNN bơm 25,1 nghìn tỷ đồng qua OMO (kỳ hạn 7-91 ngày) tại mức lãi suất 4,5%; theo đó, **giá trị đang lưu hành giảm 53,4 nghìn tỷ đồng**.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



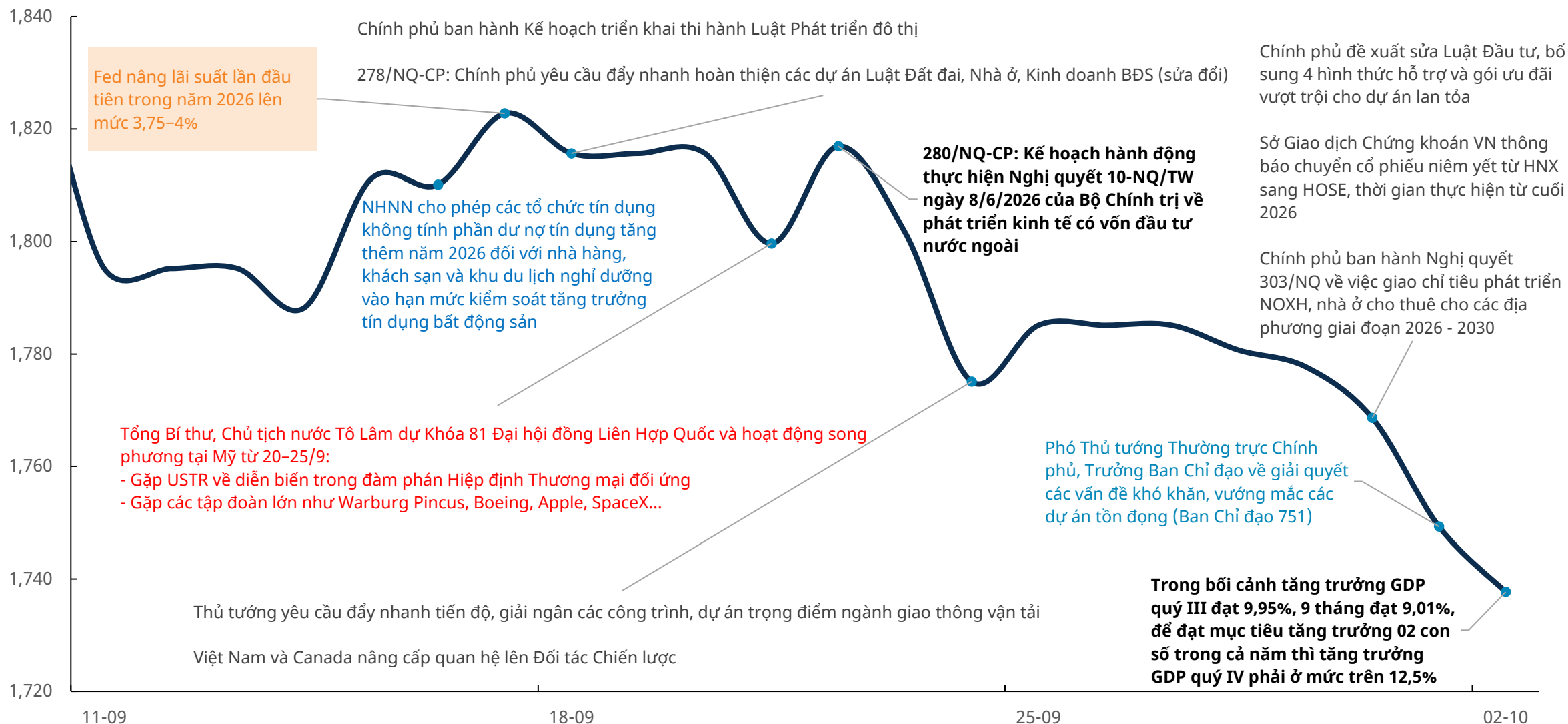
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 2/10/2026.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ FiinPro và NHNN, cập nhật tới 2/10/2026

Việt Nam tiếp tục hoàn thiện thể chế, xử lý các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực tăng trưởng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam **cập nhật tới 2/10/2026**

1 Tổng quan (Tiếp theo)

PMI sản xuất tháng 9 giảm xuống 51,9; Đơn đặt hàng mới tăng yếu nhất trong chuỗi 5 tháng tăng

- **PMI sản xuất Việt Nam tháng 9 giảm còn 51,9 điểm từ 53,3 điểm** (tháng thứ 15 liên tiếp trên ngưỡng 50) khi đơn hàng mới và xuất khẩu suy yếu. Đơn hàng mới tăng yếu nhất trong chuỗi 5 tháng tăng, đơn xuất khẩu mới giảm tháng thứ hai liên tiếp và nhanh nhất kể từ tháng 4. Sản lượng vẫn tăng liên tục từ tháng 5/2025 nhưng chậm hơn tháng 8.
- **Tồn kho thành phẩm giảm nhanh nhất kể từ 3/2011 do doanh nghiệp đẩy nhanh giao hàng;** tồn kho hàng mua cũng giảm khi nguyên liệu được đưa vào sản xuất. Việc làm giảm nhẹ tháng thứ hai liên tiếp do nhân viên nghỉ việc và tái cấu trúc, trong khi hoạt động mua hàng vẫn tăng đáng kể.
- **Chi phí đầu vào tăng đáng kể,** nhanh hơn chút so với tháng 8, do xung đột Trung Đông đẩy giá nhiên liệu, dầu và cước vận chuyển. Giá đầu ra tăng chậm lại, yếu nhất kể từ tháng 6/2025, do cạnh tranh mạnh khiến doanh nghiệp khó chuyển chi phí sang khách hàng. Vận tải quốc tế chậm trễ và thời tiết xấu làm thời gian giao hàng kéo dài.
- Tâm lý kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ tháng 2 khi doanh nghiệp lạc quan về sản lượng năm tới nhờ kỳ vọng thị trường cải thiện và kế hoạch ra mắt sản phẩm mới.

Thành phần chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam tháng 9/2026

Chi tiết PMI	Tháng 9/2026
PMI sản xuất của Việt Nam	51,9 điểm
➤ Đơn đặt hàng mới (30%)	Tăng nhưng ở mức yếu nhất trong chuỗi 5 tháng tăng gần đây. Đơn xuất khẩu mới giảm mạnh, nhanh nhất kể từ tháng 4
➤ Sản lượng (25%)	Tăng đáng kể, nối dài chuỗi tăng từ tháng 5/2025 nhưng chậm hơn tháng 8
➤ Việc làm (20%)	Giảm tháng thứ 2 liên tiếp, mức giảm nhỏ, do nhân viên nghỉ việc và tái cấu trúc
➤ Thời gian giao hàng của nhà cung cấp (15%)	Kéo dài ở mức nhẹ, do vận tải quốc tế gặp trở ngại và thời tiết xấu
➤ Tồn kho hàng mua (10%)	Tiếp tục giảm do nguyên liệu được đưa vào sản xuất
➤ Tâm lý/kỳ vọng của doanh nghiệp	Lạc quan về sản lượng trong 12 tháng tới, dù niềm tin chủ yếu dựa trên kỳ vọng điều kiện kinh tế sẽ ổn định trong những tháng tới.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. cập nhật tới ngày 1/10/2026

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Đề xuất sửa Luật Đầu tư, bổ sung hình thức hỗ trợ và gói ưu đãi vượt trội cho dự án lan tỏa

Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư (30/9) với 4 nhóm chính sách lớn nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao hiệu quả thu hút nguồn lực.

Nhóm	Nội dung chính
Mở rộng tiếp cận thị trường	Thể chế hóa Nghị quyết 10-NQ/TW, nới lỏng điều kiện tiếp cận cho nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình trên cơ sở đánh giá đầy đủ tác động; thu hẹp danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận thị trường; là một giải pháp thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán → củng cố nền tảng thu hút dòng vốn ngoại dài hạn sau đợt nâng hạng FTSE
Đổi mới ưu đãi, hỗ trợ đầu tư	Bổ sung 4 hình thức hỗ trợ mới (chuỗi cung ứng; sản xuất - cải tiến công nghệ; tài sản cố định ban đầu; liên kết với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và tổ chức KH&CN); chuyển dần từ ưu đãi cố định sang gắn với hiệu quả dự án và liên kết doanh nghiệp trong nước; cho phép gói ưu đãi vượt trội cho dự án có tác động lan tỏa, kèm cơ chế thu hồi nếu không đạt cam kết; hỗ trợ khu công nghiệp sinh thái bằng khẩu hao nhanh, kéo dài thời hạn dự án tới 70 năm → hướng dòng vốn FDI vào các dự án chất lượng cao, có liên kết với doanh nghiệp trong nước thay vì thu hút ồ ạt, kỳ vọng cải thiện chất lượng tăng trưởng dù cần thời gian để phát huy hiệu quả
Cải thiện thủ tục đầu tư	Mở rộng thủ tục đầu tư đặc biệt ra ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, bao gồm cả khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong khu kinh tế → tạo thêm cơ sở pháp lý hỗ trợ trực tiếp cho tiến trình xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam
Nâng cao hiệu quả quản lý FDI	Hoàn thiện Cổng thông tin quốc gia phục vụ giám sát và đánh giá; đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ theo hướng hài hòa lợi ích Nhà nước - nhà đầu tư - doanh nghiệp; tăng cường tự chủ chiến lược gắn với quốc phòng, an ninh → giúp nâng tính minh bạch và khả năng dự đoán chính sách cho nhà đầu tư nước ngoài

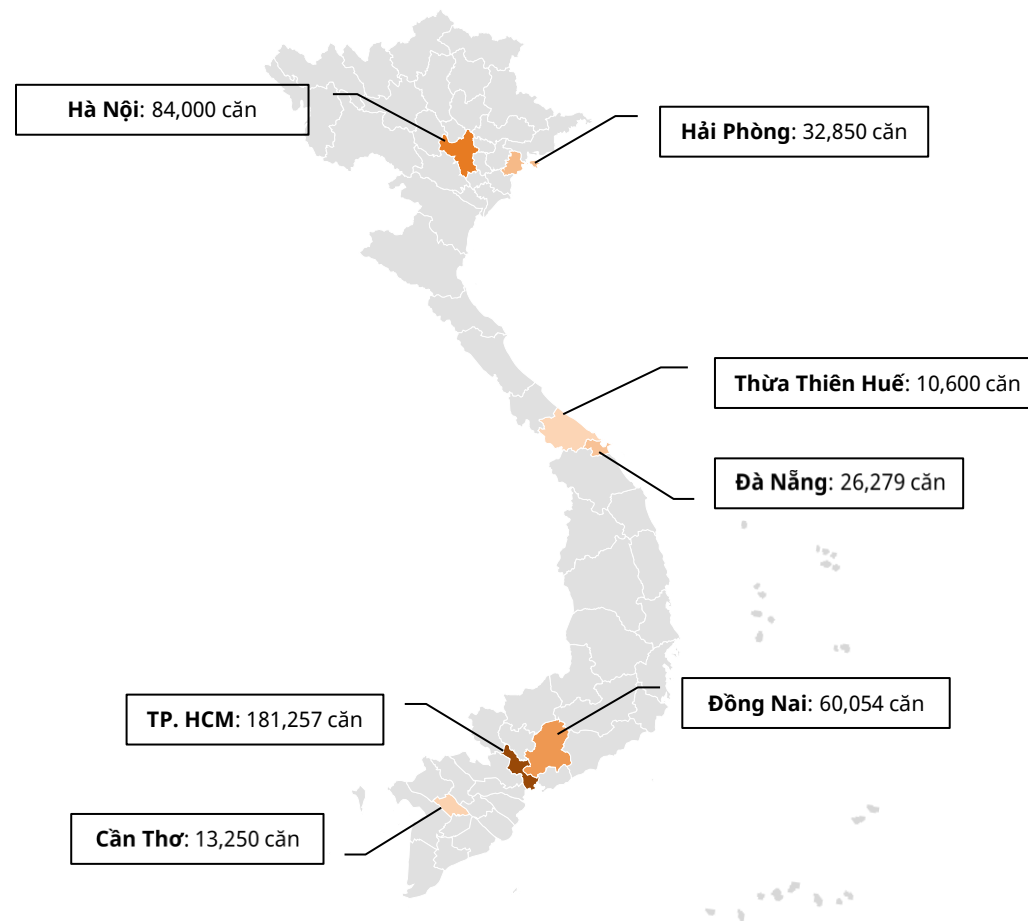
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Nghị quyết 303/NQ-CP: Phát triển NOXH, nhà ở cho thuê giai đoạn 2026 – 2030

- **Nghị quyết 303/NQ-CP (30/9/2026)** giao chỉ tiêu phát triển 899,857 căn giai đoạn 2026-2030, gồm 708,834 căn nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua và 191,023 căn nhà ở cho thuê; thay thế Nghị quyết 07/NQ-CP trước đó.
- **Chuyển hướng chiến lược sang nhà ở cho thuê:** Trước thực trạng thiếu nguồn cung và cơ cấu thiên về sở hữu, Chính phủ xác định nhà ở cho thuê là phân khúc chiến lược dài hạn, ưu tiên mô hình chung cư cho thuê tại đô thị lớn, khu công nghiệp và khu vực phát triển theo định hướng TOD.
- **Mức độ tập trung chỉ tiêu:** 7 địa phương trọng điểm trên bản đồ được giao tổng cộng 408,290 căn, chiếm khoảng 45% tổng chỉ tiêu toàn quốc, phản ánh nguồn lực tập trung mạnh vào đô thị lớn và vùng kinh tế động lực.
- **Cơ chế nguồn lực và thủ tục:** Ưu tiên quỹ đất sạch, vốn ngân sách qua Quỹ nhà ở địa phương, huy động doanh nghiệp bất động sản; dự án được đưa vào nhóm "luồng xanh", thực hiện song song các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng để rút ngắn thời gian phê duyệt.
- **Mục tiêu và giám sát:** Hướng tới hoàn thành/vượt 1 triệu căn hộ NOXH đến 2030; Bộ Xây dựng theo dõi, đôn đốc, báo cáo định kỳ Thủ tướng.

Chỉ tiêu tại địa phương trọng điểm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp.

NHNN ban hành Thông tư 50/2026; Ban Chỉ đạo 751 đẩy nhanh xử lý dự án tồn đọng

NHNN ban hành Thông tư 50/2026: nâng trần LDR lên 95%, chuyển sang chuẩn thanh khoản Basel III (30/9)

- Thông tư 50/2026/TT-NHNN (hiệu lực 1/12/2026) thay Thông tư 22/2019, nâng trần LDR từ 85% lên 95% và điều chỉnh công thức tính; trần mới áp dụng khi ngân hàng chuyển sang LCR/NSFR (muộn nhất 1/10/2028), được đăng ký áp dụng sớm.
- Lộ trình Basel III: LCR từ 50%, tăng 10 điểm %/năm, đạt 100% từ 1/10/2033; NSFR từ 90%, đạt 100% từ 1/10/2030; bắt buộc quản lý thanh khoản trong ngày.
- Mức hưởng lợi từ việc nâng trần LDR phụ thuộc vào cấu trúc bảng cân đối của từng ngân hàng, và dư địa cho vay tăng thêm chủ yếu thuộc nhóm chuyển đổi sớm. Tuy nhiên, việc nâng trần không làm tăng nguồn vốn huy động, nên ngân hàng vẫn cần nguồn vốn ổn định để đáp ứng các tỷ lệ thanh khoản mới.

Ban Chỉ đạo 751 yêu cầu xử lý dứt điểm dự án tồn đọng, đưa dự án hoạt động trở lại (1/10).

- Cả nước có 5,012 dự án vướng mắc (213,581 ha, tổng mức đầu tư khoảng 3,69 triệu tỷ đồng); 3,557 dự án (71%) đã xử lý, gồm 855 dự án hoàn thành, 2,121 dự án được tháo gỡ để tiếp tục triển khai và 581 dự án bị thu hồi hoặc chấm dứt.
- Còn 1,131 dự án (23%) đang xử lý theo thẩm quyền; 158 dự án (3%) thuộc cấp Trung ương, gồm 34 dự án của Quốc hội (báo cáo Chính phủ trước 30/10) và 124 dự án của Chính phủ, Thủ tướng, bộ (báo cáo trước 20/10).
- **Tồn tại:** rà soát chậm, dữ liệu thiếu đồng bộ, đùn đẩy thẩm quyền; đã nộp ngân sách 52,634 tỷ đồng từ các dự án nhưng 12 địa phương chưa cập nhật số liệu. **Chỉ đạo:** thước đo là dự án thực sự hoạt động, tạo việc làm, giá trị gia tăng, không chỉ có phương án xử lý; rõ trách nhiệm, thời hạn; không hợp thức hóa sai phạm; rà soát, sửa đổi pháp luật về đất đai, đầu tư, nhà ở.

2 Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index: 1737,71 (-2,6% WoW) – Áp lực bán ròng từ khối ngoại

• **VN-Index suy giảm và thanh khoản giảm về mức thấp nhất trong nhiều tuần:** Thanh khoản sụt giảm xuống mức dưới 12 nghìn tỷ/ngày (-3% WoW) cho thấy tâm lý thị trường đang thận trọng hơn trước những biến động về yếu tố vĩ mô. Trong bối cảnh Fed duy trì lập trường thận trọng và đồng USD mạnh lên khiến khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh dù thị trường vừa chính thức được nâng hạng. Bên cạnh đó, tín dụng tăng nhanh hơn huy động khiến các ngân hàng phải giữ lãi suất huy động ở mức cao, gây áp lực lên nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính và làm giảm sức hấp dẫn tương đối của cổ phiếu so với kênh tiết kiệm.

- **Bất động sản:** Nhóm Vingroup tiếp tục giảm mạnh do áp lực chốt lời (VIC: -3,4% WoW, VHM: -1,7% WoW, VPL: -1% WoW, VRE: -3,7% WoW).
- **Bảo hiểm:** Nổi bật với BVH (+10,2% WoW) được hỗ trợ bởi kỳ vọng Quyết định 40/2026 tạo điều kiện cho BVH trong hoạt động tăng vốn và tái cấu trúc, cùng với kết quả kinh doanh quý 2 tích cực, khi LNTT tăng 50% YoY nhờ hoàn nhập dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu và thu nhập tài chính cải thiện.

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa		Thanh khoản		
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	8,438	100%	-3%	15%	-3%
Bất động sản	2,793	33%	-3%	8%	-10%
Ngân hàng	2,534	30%	-3%	23%	-18%
Tiêu dùng thiết yếu	593	7%	-1%	31%	1%
Dịch vụ tài chính	454	5%	-6%	15%	6%
Nguyên vật liệu	426	5%	-2%	38%	23%
Tiện ích	329	4%	-1%	46%	37%
Tiêu dùng không thiết yếu	289	3%	-2%	69%	42%
Vận tải	272	3%	-1%	62%	15%
Xây dựng cơ bản	244	3%	-3%	31%	8%
Dầu khí	233	3%	1%	77%	0%
CNTT	124	1%	-4%	8%	-29%
Bảo hiểm	68	1%	8%	92%	114%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới **2/10/2026**.

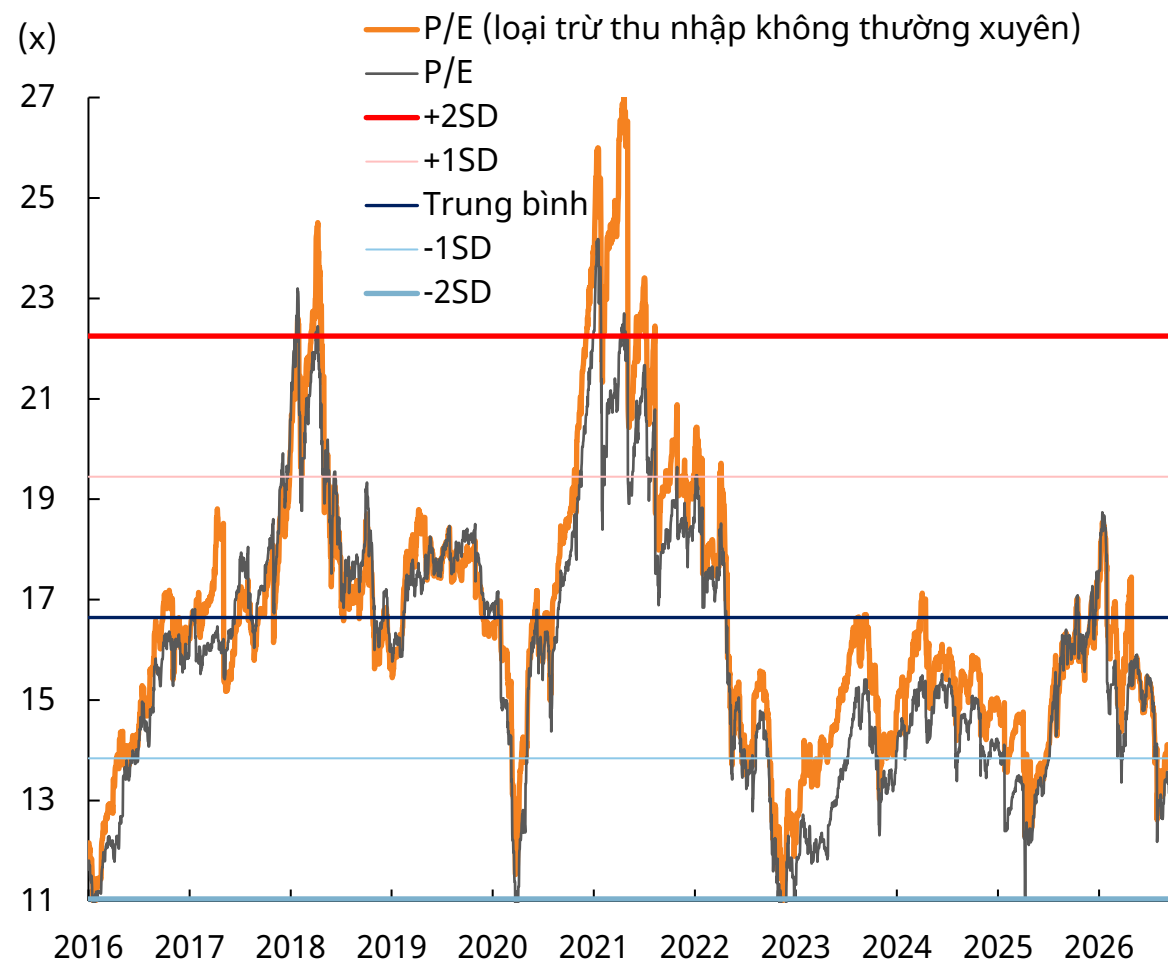
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33.33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Kiểm định lực cầu tại vùng định giá thấp

- **VN-Index đang giao dịch tại mức P/E thấp - dưới ngưỡng trung bình dài hạn 26%.** Thị trường có thể kiểm định lực cầu tại vùng hỗ trợ quanh 1,700 điểm, được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh quý 3 và kỳ vọng dòng vốn ngoại cải thiện nhờ nâng hạng FTSE.
- **Những yếu tố cần theo dõi:**
 - 1) **Rủi ro bên ngoài:** địa chính trị và chính sách của các NHTU' lớn
 - 2) **Hiệu quả chính sách thúc đẩy tăng trưởng:** Trong bối cảnh tăng trưởng GDP quý III đạt 9,95%, 9 tháng đạt 9,01%, để đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số trong cả năm thì tăng trưởng GDP quý IV phải ở mức trên 12,5%.
 - 3) **Khả năng tiếp cận vốn ngoại trên TTCK,** hướng đến mục tiêu nâng hạng MSCI vào năm 2030

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới **2/10/2026**.
Ghi chú: Khung biến động P/E được tính theo chỉ số P/E được Bloomberg điều chỉnh loại trừ thu nhập không thường xuyên.

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa	Free-float	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
		(tỷ đồng)	(%)	Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
VN-Index		8,437,793	46.3	1,737.71	1,838.20	1,728.36	-0.7	-2.7	-5.2	-6.9	13.2	1.9	16.1	13.2	30.8
VN30 Index		6,409,850	44.7	1,875.99	1,992.15	1,865.78	-0.8	-3.2	-5.4	-6.6	11.1	1.9	18.1	16.0	22.9
VN100 Index		7,714,637	47.0	1,772.01	1,898.92	1,764.06	-1.0	-3.5	-6.3	-8.6	10.8	1.6	15.6	14.3	29.1
Bất động sản	VIC	1,738,730	30	224,000	237,100	215,000	1.8	-3.4	-5.1	1.7	80.0	10.0	12.6	3.1	44.9
	VHM	557,787	30	67,900	74,000	67,400	-0.7	-1.7	-7.0	-9.7	7.1	2.1	33.1	6.4	43.6
	VPL	141,491	15	78,900	78,900	76,200	0.5	-1.0	1.7	-9.3	47.3	3.3	7.5	6.5	42.5
	VRE	53,627	40	23,600	26,750	23,550	-2.3	-3.7	-9.6	-16.2	7.4	1.1	15.5	11.0	38.0
	BCM	40,055	4	38,700	43,950	38,500	-2.0	-3.7	-10.7	-26.1	21.1	1.8	8.9	0.3	33.7
	NVL	33,469	55	10,450	13,154	9,910	0.5	-11.2	-19.3	-15.4	5.7	0.5	9.6	3.9	45.1
	KBC	23,732	65	25,200	27,600	25,000	-0.8	-2.9	-8.0	-14.1	20.7	0.9	4.7	6.4	42.6
	VPI	20,701	50	58,800	62,364	58,100	0.7	-5.5	-5.0	4.8	51.4	3.8	7.7	10.2	38.8
	KDH	16,945	65	15,100	18,400	14,950	-0.3	-3.8	-17.0	-30.3	10.4	0.9	9.0	23.6	26.4
	SJS	15,647	80	52,600	56,200	52,300	0.6	-4.7	-6.4	10.0	25.7	4.1	17.4	0.6	49.4
	DXG	12,668	80	9,990	12,150	9,980	-2.1	-1.1	-17.4	-19.1	63.1	0.9	1.4	15.6	34.4
	SIP	11,767	45	48,600	50,200	48,600	-1.3	-2.8	-1.7	-2.8	8.7	2.4	26.9	2.3	46.7
	TAL	11,592	30	23,000	24,900	22,450	0.9	0.0	-7.6	-14.2	12.7	2.1	19.4	9.9	39.1
	PDR	11,175	60	11,200	12,650	10,950	-0.4	-0.9	-9.7	-24.1	18.1	0.9	4.8	10.1	40.9
	TCH	10,936	60	10,900	12,455	10,850	-3.5	-3.5	-10.5	-16.7	36.6	0.9	2.9	6.9	43.1
	NLG	10,626	80	21,900	24,850	21,750	0.2	-2.4	-9.9	-16.7	17.7	0.9	5.3	36.1	14.0
	DIG	7,809	95	9,250	10,849	9,250	-3.1	-3.9	-14.0	-21.2	10.1	0.8	8.4	2.4	46.6
	HDG	6,125	60	15,050	16,950	15,050	-1.3	-5.0	-9.6	-27.3	6.5	0.9	14.2	15.7	34.3
	KOS	3,182	40	14,700	34,400	14,700	-7.0	-30.0	-56.9	-60.4	116.0	1.4	1.2	0.1	48.9

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 2/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Ngân hàng	VCB	477,109	11	57,100	60,500	57,100	-0.9	-1.6	-5.0	-8.1	11.5	1.9	18.0	19.9	10.1
	BID	270,684	6	34,800	37,200	34,800	-1.8	-2.7	-5.6	-12.6	8.2	1.4	16.5	17.5	12.5
	CTG	231,067	15	29,750	32,350	29,600	-1.0	-1.3	-6.9	-13.1	5.8	1.2	22.2	20.7	1.8
	VPB	229,000	55	22,900	23,300	21,501	-1.7	-0.4	3.8	4.2	7.7	1.3	18.3	24.5	5.6
	TCB	228,531	55	32,250	33,650	32,250	-2.3	-3.0	-3.4	-4.7	8.4	1.3	16.1	22.3	7.7
	MBB	192,313	50	19,100	21,050	19,100	-2.3	-4.0	-9.3	-10.1	6.2	1.2	22.1	22.2	1.0
	HDB	142,400	80	28,450	28,450	27,500	1.6	2.3	2.3	7.0	7.2	1.7	25.8	10.7	19.4
	STB	128,949	95	68,400	76,600	67,700	-2.7	-10.6	-9.4	-5.8	21.1	2.1	5.0	21.9	5.1
	ACB	122,473	85	21,100	22,700	21,050	0.0	-1.4	-6.8	-6.8	7.8	1.2	16.7	1.5	3.5
	LPB	120,089	90	40,200	50,500	40,200	-4.3	-13.5	-19.5	-22.8	10.6	2.8	27.0	23.5	6.5
	SHB	59,582	75	11,150	12,250	11,150	-1.8	-3.9	-8.6	-18.6	4.3	0.7	17.5	0.9	29.1
	SSB	58,461	55	17,050	17,900	16,000	-3.9	-12.3	-0.3	3.3	20.2	1.4	7.1	4.0	26.0
	MSB	52,603	70	14,050	14,300	13,150	-1.1	0.0	5.2	5.7	8.9	1.2	13.9	7.1	22.9
	VIB	49,761	55	13,350	13,744	13,350	-0.4	-0.4	-2.2	-12.2	6.7	1.0	16.2	3.6	1.4
	TPB	37,963	55	11,900	12,870	11,750	-5.0	-6.3	-6.6	-17.1	5.0	0.8	18.0	21.8	8.2
	OCB	30,931	30	10,100	11,000	10,100	-1.0	-1.0	-8.2	-11.8	6.9	0.9	12.9	19.2	2.8
	EIB	30,735	80	16,500	17,500	16,450	-0.6	-1.2	-4.6	-21.1	62.5	1.2	1.9	1.0	28.9
	NAB	25,735	80	12,500	12,650	11,500	1.2	0.8	8.2	-4.6	5.5	1.0	19.9	1.0	29.1
Dịch vụ tài chính	TCX	92,889	15	27,900	34,542	27,900	-2.1	-6.8	-17.9	-25.6	14.9	2.0	16.1	8.5	91.5
	VCK	66,717	25	27,400	30,500	27,150	-1.6	-3.9	-10.0	-17.7	10.3	2.1	20.4	3.6	96.4
	SSI	58,890	70	19,700	21,600	19,600	-2.2	-4.8	-7.7	-12.8	11.6	1.5	13.9	30.0	70.0
	VPX	45,375	20	24,200	26,300	23,850	-4.9	-4.9	-7.8	-15.1	8.1	1.3	18.6	4.0	96.1
	HCM	31,724	55	23,500	26,700	22,900	-0.2	-5.6	-9.8	-7.4	21.9	2.0	10.7	34.8	14.2
	VIX	30,359	100	11,800	14,350	11,800	-2.9	-6.7	-16.3	-26.7	5.7	0.9	15.7	6.1	93.9
	VCI	21,489	75	18,650	23,150	18,650	-4.4	-5.8	-18.4	-24.9	13.3	1.2	9.8	16.1	83.9
	VND	20,247	75	13,300	17,000	13,300	-2.9	-7.3	-20.1	-26.1	7.5	0.9	13.1	7.5	92.5
	DSE	9,314	35	21,750	23,350	21,650	0.0	0.0	-5.8	-3.8	34.0	1.7	5.0	10.3	89.7
	EVF	8,708	95	11,450	12,550	11,300	-0.4	-1.3	-7.7	-12.9	9.3	0.8	9.4	0.3	49.7
	FTS	7,051	40	18,500	23,000	18,500	-2.1	-8.0	-18.7	-33.7	16.7	1.6	9.7	24.6	75.4
	BSI	6,653	14	24,650	29,900	24,650	-3.7	-7.3	-15.6	-33.2	12.7	1.2	9.6	35.4	64.7
	CTS	5,418	25	19,900	24,000	19,850	-1.5	-6.1	-14.6	-29.9	14.4	1.9	14.0	0.3	48.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 2/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Bảo hiểm	BVH	56,268	10	75,800	76,900	63,700	1.7	10.2	18.4	19.7	16.9	2.1	13.4	27.0	22.0
Xây dựng cơ bản	GEE	43,874	14	68,500	72,000	64,800	-4.2	-7.3	5.7	-23.7	12.3	5.4	48.0	1.1	48.9
	GEX	29,964	70	22,900	27,200	22,800	-3.6	-4.6	-13.4	-26.0	21.8	1.5	8.0	6.6	43.4
	REE	29,525	35	47,400	48,050	45,500	-1.0	2.8	4.1	-4.5	11.2	1.4	12.8	49.0	0.0
	VGC	19,660	12	43,850	45,000	40,450	-1.5	2.6	8.4	0.8	13.8	2.3	16.3	0.9	48.1
	BMP	11,542	45	141,000	144,900	141,000	-1.5	-2.8	-2.6	-8.7	9.0	4.0	45.4	82.4	17.6
	VCG	9,286	55	13,300	16,050	13,300	-2.6	-5.3	-16.9	-32.1	2.4	0.8	39.3	1.9	47.1
	CTR	9,121	35	71,200	77,300	70,200	-0.4	-2.1	-7.5	-7.1	13.9	4.1	30.9	5.7	43.3
	PC1	7,917	60	19,250	21,000	19,250	-4.7	-8.3	-7.0	-14.1	7.8	1.2	16.4	8.3	41.7
	CII	7,896	95	11,750	15,000	11,750	-4.1	-6.7	-20.1	-33.0	80.6	0.8	1.0	3.6	36.4
	CTD	6,463	55	57,800	63,500	57,300	-2.5	-0.7	-8.0	-19.7	7.6	0.7	9.2	46.6	3.4
	HHV	4,831	85	8,830	10,150	8,830	-1.3	-3.1	-12.1	-18.7	7.6	0.4	5.8	10.5	38.5
Nguyên vật liệu	HPG	169,282	60	20,050	22,350	19,600	0.0	-2.9	-9.3	-14.3	7.3	1.2	17.4	21.6	27.4
	GVR	131,000	4	32,750	33,700	32,350	0.0	-0.5	1.2	-0.8	18.5	2.2	12.1	0.6	-0.6
	DCM	17,338	25	32,750	33,900	30,850	-2.8	-4.5	6.2	-7.5	7.5	1.5	21.3	5.9	43.1
	DPM	14,856	40	21,850	22,500	21,850	-2.5	-3.3	-0.7	-4.6	8.7	1.3	13.8	3.4	46.6
	PHR	8,097	35	33,200	34,722	33,150	-1.9	2.3	-3.1	-8.2	8.7	1.7	22.1	3.1	45.9
	HSG	8,056	70	9,980	11,000	9,780	-0.2	-0.2	-8.4	-14.0	12.3	0.7	5.7	10.1	-10.1
	HT1	4,598	25	12,050	12,800	11,850	1.3	1.3	-4.4	-10.4	11.9	0.9	7.7	4.3	45.7
	NKG	4,529	75	9,200	11,100	9,120	-2.6	-5.2	-16.0	-22.7	27.2	0.6	2.1	2.3	-2.3
Vận tải	VJC	99,521	35	129,400	130,000	125,000	-0.2	-2.6	3.5	-6.9	45.2	3.8	8.7	6.2	23.8
	GMD	33,096	95	77,600	80,100	77,600	-1.1	0.3	-2.4	3.1	13.7	2.4	18.6	39.0	10.0
	VTP	10,533	40	51,900	54,900	51,900	-2.4	-1.7	-3.0	-6.3	33.0	4.5	15.5	4.0	45.0
	VSC	4,755	95	12,700	15,050	12,700	-3.4	-4.2	-13.6	-32.4	13.9	0.9	6.7	2.0	47.0

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày **2/10/2026**. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Free-float (%)	Giá			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá			Sở hữu khối ngoại (%)	
				Giá đóng cửa	Cao nhất 1 tháng	Thấp nhất 1 tháng	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại	Còn lại
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	108,021	75	73,200	75,700	72,100	0.8	-0.3	-2.4	-8.2	10.9	3.0	30.2	49.0	0.0
	FRT	25,553	55	142,900	146,000	141,000	-2.5	0.7	-2.1	17.1	22.5	5.3	29.7	33.2	15.8
	PNJ	11,795	90	23,050	42,500	23,050	-6.9	-30.2	-45.2	-63.5	4.9	0.9	17.8	46.0	3.0
	DGW	10,185	55	45,600	46,300	42,200	0.9	2.5	8.1	13.4	12.1	2.7	24.5	27.5	21.5
Tiêu dùng thiết yếu	MCH	181,991	20	139,200	143,500	137,900	0.2	-1.3	-2.7	0.4	25.7	9.7	39.4	16.0	84.0
	VNM	119,754	40	57,300	63,000	57,300	-2.2	-4.2	-8.0	3.2	12.1	3.8	31.1	49.8	50.2
	MSN	103,248	60	70,700	73,000	69,800	-0.3	0.9	0.7	-2.3	15.2	2.7	19.5	24.3	75.7
	SAB	54,445	11	42,450	46,100	42,450	-2.0	-3.3	-6.9	-12.7	11.8	2.8	22.6	58.8	41.2
	SBT	20,842	60	22,300	23,050	22,250	-1.3	-2.0	-2.4	7.0	28.5	1.7	6.5	24.0	76.0
	HAG	18,758	50	14,800	14,850	14,000	0.3	6.1	4.2	-1.3	5.5	1.2	26.0	1.7	47.3
	KDC	14,038	45	50,800	52,500	50,300	0.0	-0.2	-2.1	1.7	26.1	2.4	9.1	13.1	36.9
	BAF	11,237	70	30,800	32,600	30,150	-1.3	-3.3	-5.5	3.0	112.9	2.6	3.2	4.1	45.9
	VHC	10,619	40	50,700	52,500	49,950	1.6	2.3	-2.7	-15.5	7.8	1.1	15.5	17.5	82.5
	DBC	6,638	70	15,400	17,600	14,900	2.7	-1.9	-11.5	-17.2	5.7	0.8	14.3	1.2	47.8
	PAN	4,688	45	18,700	19,850	18,400	1.1	1.6	-4.3	-19.2	3.9	0.9	21.8	21.0	28.0
	ANV	4,526	30	17,000	17,300	16,000	6.9	6.6	-1.2	-20.9	5.2	1.2	24.3	2.6	46.4
Dầu khí	BSR	152,472	8	30,450	32,000	26,500	-2.9	0.2	14.5	22.3	7.7	2.0	30.4	1.6	47.4
	PLX	46,321	10	35,800	37,150	35,800	-2.3	2.3	-1.2	-3.8	14.8	1.8	9.1	14.3	5.7
	PVD	16,699	50	18,000	19,400	17,950	-1.9	0.0	-6.0	-8.3	17.2	1.0	5.4	8.1	41.9
	PVT	12,148	50	23,500	24,600	20,150	-1.1	1.7	16.3	16.0	8.5	1.3	14.9	15.7	33.3
Tiện ích	GAS	190,140	5	78,800	86,400	78,800	-3.9	-2.1	-6.4	1.9	15.0	2.8	18.4	2.1	46.9
	POW	38,962	20	12,700	13,250	12,700	-1.6	2.0	-3.1	-14.8	6.4	0.9	16.1	3.9	46.1
	BWE	10,255	25	40,800	42,500	40,550	-0.4	1.4	-3.5	-9.7	10.0	1.5	16.0	2.1	46.9
	NT2	6,420	30	22,300	22,550	20,900	1.6	7.0	6.4	-2.4	5.2	1.3	26.5	9.4	39.6
CNTT	FPT	117,104	85	62,100	67,273	62,100	-1.0	-4.0	-6.7	-5.8	11.6	2.9	27.3	28.4	20.6
	CMG	4,914	40	21,100	24,900	21,050	-0.5	-6.0	-13.5	-22.7	11.9	1.5	13.4	36.3	13.7

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro. cập nhật ngày 2/10/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.